

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST

Ngày 24-5-2023

V/v: “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Phan Trường Chinh
- Bà Ngô Thị Kim Ngân

Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức Tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 159/2022/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Bích D, sinh năm 1989; địa chỉ: thôn 2, xã ĐT, huyện MĐ, tỉnh Quảng Ngãi;

Bị đơn: Anh Huỳnh Văn H, sinh năm 1988; địa chỉ: thôn 3, xã ĐN, huyện MĐ, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/12/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Trần Thị Bích D trình bày: Chị D và anh Huỳnh Văn H tìm hiểu, yêu thương nhau và tự nguyện kết hôn với nhau; có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Nhuận, huyện Mộ Đức. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do có nhiều bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không hợp tính nhau; kinh tế gia đình làm ăn không thuận lợi nên vợ chồng thường cãi nhau, sống không có hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2021 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân

thì chị D và anh H phần ai người đó sống, không quan tâm gì đến nhau. Nay chị D xét thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh Huỳnh Văn H.

Về con chung: Có 03 con chung tên Huỳnh Trần Bảo T, sinh ngày 06/12/2010, Huỳnh Trần Bảo H1, sinh ngày 21/6/2015 và Huỳnh Trần Gia H2, sinh năm 23/12/2018. Khi ly hôn chị D yêu cầu được nuôi 01 con chung Huỳnh Trần Bảo T, giao hai con chung Huỳnh Trần Bảo H1 và Huỳnh Trần Gia H2 cho anh H nuôi dưỡng; chị D và anh H không có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Chị D khai vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị D khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn Huỳnh Văn H nhưng anh H không có ý kiến gì về nội dung vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu, chứng cứ; không đến Tòa án làm việc và tham gia phiên tòa theo thông báo, giấy triệu tập của Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng quy định tại các Điều 70, 71; bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho Trần Thị Bích D; cho chị Trần Thị Bích D được ly hôn anh Huỳnh Văn H;

+ Về con chung: Giao 01 con chung là Huỳnh Trần Bảo T, sinh ngày 06/12/2010 cho chị Trần Thị Bích D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; Giao 02 con chung là Huỳnh Trần Bảo H1, sinh ngày 21/6/2015 và Huỳnh Trần Gia H2, sinh ngày 23/12/2018 cho anh Huỳnh Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị D và anh H không có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

+ Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

+ Về nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Nguyên đơn Trần Thị Bích D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con” với bị đơn Huỳnh

Văn H. Trong vụ án này, bị đơn là anh H có địa chỉ nơi cư trú tại: Thôn 3, xã Đức Nhuận, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn Huỳnh Văn H nhưng anh H không có ý kiến gì về nội dung vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu, chứng cứ; không đến Tòa án làm việc và tham gia phiên tòa theo thông báo, giấy triệu tập của Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn Huỳnh Văn H theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Bích D và anh Huỳnh Văn H là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Bích D, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị D và anh H tự nguyện kết hôn với nhau nhưng quá trình chung sống lại phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị D và anh H phần ai người đó sống không quan tâm, chăm sóc gì lẫn nhau là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình. Mặt khác, sau khi thụ lý vụ án, anh H đã được Tòa án thông báo về việc chị D có yêu cầu ly hôn nhưng lại không hợp tác làm việc, bỏ mặc không quan tâm đến ý kiến, yêu cầu của chị D và việc giải quyết vụ án của Tòa án. Như vậy, đã đủ căn cứ để xác định hôn nhân giữa chị D và anh H là không có hạnh phúc; mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng và không thể nào sống chung với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, nguyên đơn Trần Thị Bích D khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn Huỳnh Văn H là có căn cứ theo quy định tại khoản 01 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] *Về con chung*: Có 03 con chung tên Huỳnh Trần Bảo T, sinh ngày 06/12/2010, Huỳnh Trần Bảo H1, sinh ngày 21/6/2015 và Huỳnh Trần Gia H2, sinh năm 23/12/2018. Xét yêu cầu nuôi con chung của chị D, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc giải quyết về yêu cầu nuôi con cần đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển một cách toàn diện cả về thể chất, lẫn tinh thần cho các con. Hiện tại, chị D bán đồ ăn sáng và đang ở nhà thuê, cuộc sống cũng còn khó khăn còn anh H thì cũng chỉ là lao động phổ thông, đang sống cùng cha mẹ đẻ nên đều không thể một mình nuôi cả ba con. Mặc dù không hợp tác làm việc tại Tòa trong quá trình giải quyết vụ án nhưng trên thực tế, anh H đã nhất trí yêu cầu ly hôn và nuôi con chung của chị D nên sau khi Tòa án thụ lý vụ án thì anh H đã đưa hai con là Huỳnh Trần Bảo H1 và Huỳnh Trần Gia H2 về sống cùng với anh. Do đó, chị D yêu cầu được nuôi dưỡng con chung

là Huỳnh Trần Bảo T, giao hai con chung là Huỳnh Trần Bảo H1 và Huỳnh Trần Gia H2 cho anh H nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế và có căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[2.3] *Về tài sản chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] *Về nợ chung*: Các đương sự đều khai không có.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị Bích D phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003596 ngày 26/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

[4] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; các Điều 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị Bích D.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Bích D được ly hôn anh Huỳnh Văn H.

1.2. Về con chung: Có 03 con chung tên Huỳnh Trần Bảo T, sinh ngày 06/12/2010, Huỳnh Trần Bảo H1, sinh ngày 21/6/2015 và Huỳnh Trần Gia H2, sinh năm 23/12/2018.

Giao 01 con chung là Huỳnh Trần Bảo T, sinh ngày 06/12/2010 cho chị Trần Thị Bích D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng;

Giao 02 con chung là Huỳnh Trần Bảo H1, sinh ngày 21/6/2015 và Huỳnh Trần Gia H2, sinh ngày 23/12/2018 cho anh Huỳnh Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng;

Chi D và anh H không có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Bích D phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003596 ngày 26/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi
- VKSND huyện Mộ Đức
- Chi cục THADS huyện Mộ Đức
- Các đương sự;
- UBND xã Đức Nhuận;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hòa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hòa

